

ĐỀ ÁN

Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và bền vững, khu vực kinh tế tư nhân được Đảng và Nhà nước xác định là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về “Phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn mới” và Quốc hội ban hành Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về “Một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân” đã tạo hành lang chính trị, pháp lý quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân thông qua các cơ chế, chính sách đột phá về thể chế, tài chính, đất đai, tín dụng, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã xác định “*Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế*” là một trong ba đột phá phát triển của nhiệm kỳ. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 27/10/2025 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, trong đó đặt ra yêu cầu xây dựng Đề án “*Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030*”.

Kinh tế tư nhân đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), sự phát triển mạnh mẽ của khu vực này sẽ giúp gia tăng quy mô nền kinh tế địa phương, tạo ra nguồn thu ngân sách ổn định và bền vững, hỗ trợ chính quyền địa phương có thêm nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng và các dịch vụ công cộng.

Cùng với đó, kinh tế tư nhân góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập người dân. Với số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh cá thể, khu vực này thu hút đa số lao động, giải quyết việc làm cho người dân địa phương, từ đó góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và di cư lao động, tăng thu nhập bình quân đầu người, cải thiện đời sống vật chất và

tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội. Các doanh nghiệp là lực lượng tiên phong trong việc đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mới có tiềm năng phát triển và giá trị gia tăng cao, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của tỉnh, chú trọng đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Sự năng động này tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy sự phát triển chung của kinh tế địa phương và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong khu vực và quốc gia.

Việc tạo môi trường thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ là "chìa khóa" để các địa phương đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, đồng thời giải quyết hài hòa các vấn đề xã hội, là điều kiện để Thái Nguyên phát huy vai trò trung tâm vùng trung du và miền núi phía Bắc, trở thành cực tăng trưởng kinh tế mới của khu vực.

Do đó, việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện “Đề án Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030” của tỉnh là hết sức cần thiết và là yêu cầu khách quan, cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.
- Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (*Nghị quyết số 68-NQ/TW*).
- Nghị quyết số 198/2025/QH15, ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (*Nghị quyết số 198/2025/QH15*).
- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Nghị quyết số 138/NQ-CP, ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW (*Nghị quyết số 138/NQ-CP*).
- Nghị quyết số 139/NQ-CP, ngày 17/5/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 (*Nghị quyết số 139/NQ-CP*).
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 27/10/2025 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 08/8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW (*Kế hoạch số 08-KH/TU*).

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

I. VỀ QUY MÔ VÀ SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP

Tính đến ngày 31/10/2025, tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh là 14.247 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 194.286 tỷ đồng. Số doanh nghiệp được thành lập mới hằng năm đạt và vượt mục tiêu doanh nghiệp thành lập mới được xây dựng đầu nhiệm kỳ 2021 - 2025 (trên 800 doanh nghiệp/năm)¹:

Số lượng các doanh nghiệp có phát sinh hoạt động thuế là 8.910 doanh nghiệp², phân theo loại hình, ngành kinh tế như sau:

- Phân loại doanh nghiệp theo kết quả kinh doanh: số doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm 57,17%, số doanh nghiệp nhỏ chiếm 33,18%, số doanh nghiệp vừa chiếm 5,29%, số doanh nghiệp lớn chiếm 4,34%.

- Phân loại doanh nghiệp theo vốn đăng ký: 88,57% số doanh nghiệp có vốn đăng ký từ 10 tỷ đồng trở xuống, 4,85% số doanh nghiệp có mức vốn từ 10-20 tỷ đồng, 3,25% số doanh nghiệp có mức vốn từ 20-50 tỷ đồng, 1,71% doanh nghiệp có vốn từ 50-100 tỷ đồng và 1,62% số doanh nghiệp có vốn trên 100 tỷ đồng.

Tỷ lệ tăng thu ngân sách nhà nước của khối doanh nghiệp hằng năm trung bình là 10%, cụ thể: Giai đoạn 2021 - 2025 thu ngân sách nhà nước khối doanh nghiệp là hơn 65.926 tỷ đồng, trong đó: năm 2021 là 10.928 tỷ đồng; năm 2022 là 13.691 tỷ đồng; năm 2023 là 15.479 tỷ đồng; năm 2024 là 13.797 tỷ đồng; tính đến hết Quý III/2025 là 12.031 tỷ đồng.

Như vậy, theo quy mô doanh nghiệp, trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ (chiếm đến 88,57%). Số lượng các doanh nghiệp với quy mô vốn lớn (từ 100 tỷ đồng trở lên) chỉ chiếm 1,62%, nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong việc đóng góp ngân sách và thúc đẩy phát triển kinh tế.

¹ Trong giai đoạn 2021 - 2025, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới của tỉnh khoảng 5.000 doanh nghiệp.

² Số liệu Thuế tỉnh Thái Nguyên cung cấp đến ngày 31/10/2025. Số doanh nghiệp chênh lệch với số liệu Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp do: các doanh nghiệp đang trong tình trạng tạm ngừng kinh doanh hoặc mới thành lập, đang đầu tư, tìm kiếm thị trường, khách hàng, chưa phát sinh hoạt động kinh doanh.

II. VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

Tỉnh Thái Nguyên có khoảng 250.000 lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp, trong đó số lượng lao động tại các khu công nghiệp tính đến tháng 10/2025 khoảng 93.000 lao động. Trong giai đoạn 2021-2025, số lao động có việc làm mới được tạo thêm là 150.000 lao động, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho trên 30.000 lao động. Lao động tập trung vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo và lắp ráp, sản xuất linh kiện điện tử.

Chất lượng lao động trong một số lĩnh vực vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của các ngành công nghiệp hiện đại. Các doanh nghiệp tại Thái Nguyên đang thiếu lao động có kỹ năng chuyên môn cao trong các lĩnh vực như: công nghệ thông tin, kỹ thuật cơ khí và các ngành công nghiệp chế tạo, công nghiệp bán dẫn.

III. VỀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ KẾT NỐI GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Năng suất lao động tại Thái Nguyên đã có sự tăng trưởng ổn định trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là trong các khu công nghiệp nơi có sự tham gia của các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như Samsung và các doanh nghiệp phụ trợ,... với tốc độ tăng khoảng 7-8% mỗi năm. Trong đó:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Các doanh nghiệp FDI như Samsung và các doanh nghiệp phụ trợ,... có năng suất lao động cao, nhờ vào việc áp dụng công nghệ tự động hóa và quản lý sản xuất hiện đại. Các doanh nghiệp FDI có thể đạt năng suất lao động gấp 2-3 lần so với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là trong các ngành điện tử và cơ khí chế tạo.

- Doanh nghiệp trong nước: Các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, có mức năng suất lao động thấp hơn, chủ yếu do thiếu đầu tư vào công nghệ cao, thiếu kỹ năng lao động chuyên môn và quy trình sản xuất chưa được tối ưu hóa.

Tính kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI chưa đạt như kỳ vọng. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nguồn vốn đầu tư hạn chế, khó tiếp cận các công nghệ mới hoặc tối ưu hóa quy trình sản xuất, dẫn đến năng suất lao động thấp hơn, có sự phân hóa rõ rệt so với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nước ngoài dẫn đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh không có nhiều cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị hoặc chuỗi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp quy mô lớn, doanh nghiệp nước ngoài.

IV. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính, từ ngày 01/7/2025, tỉnh Thái Nguyên được hình thành trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn (cũ), với quy mô diện tích trên 8.375 km² và dân số gần 1,8 triệu người với 92 đơn vị hành chính cấp xã; là địa phương hội tụ đầy đủ các vùng kinh tế đặc trưng: Vùng đô thị, công nghiệp, giáo dục - đào tạo và công nghệ cao khu vực trung tâm và phía Nam; vùng nông - lâm nghiệp, du lịch sinh thái, giàu bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở phía Bắc.

1. Tiềm năng của tỉnh

Thái Nguyên là tỉnh trung tâm vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, tiếp giáp thủ đô Hà Nội và gần sân bay Nội Bài, có vị trí địa lý chiến lược, là đầu mối kết nối giữa vùng trung du và miền núi Bắc Bộ với Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, thuận tiện cho việc kết nối giao thương với các tỉnh thành lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông lâm nghiệp và xuất khẩu, du lịch. Đây là tiền đề tạo ra liên kết doanh nghiệp Thái Nguyên với các tỉnh lân cận.

- Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp³; thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), đồng thời xây dựng, triển khai hiệu quả bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI); bên cạnh đó tỉnh Thái Nguyên thường xuyên tổ chức các hoạt động, gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp; động viên, biểu dương, khen thưởng các cá nhân, doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn và một số chính sách cụ thể về; chi hỗ trợ đào tạo lao động là người Thái Nguyên làm việc tại Công ty Samsung⁴; tiếp cận tín dụng đối với doanh nghiệp⁵; hỗ trợ vốn doanh nghiệp⁶; hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị⁷...

³ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 13/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 26/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025; Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 23/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ 3 (Khóa XII) về phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025...

⁴ Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề theo Thỏa thuận phát triển dự án giữa Công ty TNHH Samsung Electronics và UBND tỉnh Thái Nguyên, mức hỗ trợ 500.000 đồng/01 lao động/01 lần

⁵ DNNVV vay ngân hàng giai đoạn 2021-2025: Năm 2021 là 43.569 tỷ đồng; năm 2022 là 47.846 tỷ đồng; năm 2023 là 47.272 tỷ đồng; năm 2024 là 52.021 tỷ đồng; đến 30/9/2025 là 41.005 tỷ đồng

⁶ Đã triển khai mở 15 khóa đào tạo với tổng kinh phí 869,4 triệu đồng. Trong đó, khóa đào tạo khởi sự kinh doanh 09 lớp với 399 học viên; khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản 05 lớp với tổng số 189 học viên; khóa

Ngoài ra, với mục tiêu xây dựng Thái Nguyên là địa phương công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, đi đầu trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, có tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững với những sản phẩm chủ lực chất lượng cao. Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã và đang tập trung đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hỗ trợ doanh nghiệp với hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, các công trình công cộng...) khá phát triển, đặc biệt là các dự án giao thông trọng điểm như tuyến đường liên kết Thái Nguyên - Bắc Ninh- Phú Thọ, và các tuyến vành đai; đường sắt có hệ thống kết nối Thái Nguyên - Hà Nội - Hải Phòng; đường sông có cảng Đa Phúc kết nối với các tỉnh vùng Đồng bằng Sông Hồng và Cảng Hải Phòng. Trong thời gian tới, tỉnh Thái Nguyên đang định hướng mở rộng kết cấu hạ tầng giao thông theo các tuyến Thái Nguyên - Cao Bằng, tuyến Thái Nguyên - Lạng Sơn (bao gồm cả đường sắt, đường bộ), mở rộng hành lang đường cao tốc Thái Nguyên – Hà Nội,... Đồng thời, tỉnh đã phối hợp với các ngành, đầu tư đồng bộ các tuyến đường dây 500kV đến các tuyến lưới điện và trạm biến áp từ 220kV trở xuống; đầu tư các nhà máy và hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, nước sạch phục vụ sản xuất công nghiệp. Đến nay, cơ bản bảo đảm đáp ứng đầy đủ nguồn cung cấp nước, cung cấp điện và hệ thống xử lý nước thải đồng bộ, tiên tiến trong và ngoài khu, cụm công nghiệp cũng như đáp ứng sinh hoạt, sản xuất cho các doanh nghiệp, người dân khu vực đô thị và nông thôn trong toàn tỉnh.

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có đầy đủ các nhà mạng lớn như: Viettel, VNPT, Mobifone,... đáp ứng đầy đủ các nhu cầu kết nối thông tin liên lạc, kết nối internet với dung lượng lớn đảm bảo chất lượng và thông suốt cho người dân và nhà đầu tư. Tỉnh cũng đã ký kết biên bản ghi nhớ với Tập đoàn Viettel với mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, hướng dẫn chính quyền số, đô thị thông minh; đã thành lập Trung tâm điều hành thông minh, bên cạnh đó đã ứng dụng C-Thái Nguyên, ID Thái Nguyên giúp kết nối người dân, doanh nghiệp với chính quyền tỉnh.

- Về phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư: Toàn tỉnh có 19 khu công nghiệp, với quy mô 6.406 ha, trong đó có 12 khu đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, hiện nay 06 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động⁸ (trong các khu công nghiệp có tổng số 350 dự án được cấp GCN ĐKĐT còn hiệu lực, trong đó có 188 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 11.060,759 triệu USD và

đào tạo quản trị kinh doanh chuyên sâu 01 khóa với tổng số 33 học viên. Năm 2025, thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nguồn NSTW) là 990 triệu đồng để thực hiện 03 nhiệm vụ (Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 300 triệu đồng; Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 190 triệu đồng; Chi các hoạt động kinh tế khác: 500 triệu đồng).

⁷ Trong 03 năm (2021-2023), đã phân bổ 25,6 tỷ đồng cho các địa phương để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm.

⁸ Khu công nghiệp Sông Công I, khu công nghiệp Diềm Thụy, khu công nghiệp Nam Phổ Yên, khu công nghiệp Yên Bình, khu công nghiệp Sông Công II và khu công nghiệp Thanh Bình.

162 dự án DDI với tổng số vốn đăng ký đầu tư 47.457,566 tỷ VNĐ); 68 cụm công nghiệp với tổng diện tích hơn 2.740ha; trong đó 40 cụm công nghiệp đã được thành lập, diện tích khoảng 1.590ha, đã thu hút 101 dự án sản xuất, tạo việc làm cho khoảng 14.000 lao động.

- Hệ thống giáo dục phát triển, đội ngũ tri thức, khoa học và nguồn lao động dồi dào: Thái Nguyên là một trong ba trung tâm đào tạo lớn của cả nước, với 09 trường Đại học, 12 trường Cao đẳng, 08 trường Trung cấp chuyên nghiệp, 30 trung tâm dạy nghề đóng trên địa bàn tỉnh; hàng năm đào tạo hàng nghìn học sinh, sinh viên có trình độ, tay nghề ở nhiều lĩnh vực như công nghiệp, điện tử, ngoại ngữ, cơ khí, luyện kim,... đáp ứng cung cấp nguồn nhân lực được đào tạo bài bản cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư vào tỉnh Thái Nguyên.

- Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh luôn được quan tâm hàng đầu. Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); chỉ số cải cách hành chính (Par Index) hàng năm đều nằm trong nhóm các địa phương có chỉ số khá của cả nước.

- Số lượng hợp tác xã của tỉnh là 891 hợp tác xã, số hộ kinh doanh là 52.795 hộ, chủ yếu hoạt động trong nông nghiệp, chế biến nông sản và dịch vụ, nhưng năng lực tổ chức và khả năng cạnh tranh còn hạn chế. Đây là dư địa tiềm năng, có khả năng phát triển lên doanh nghiệp trong thời gian tới.

2. Xu thế phát triển

- Phát triển của doanh nghiệp gắn với cách mạng số: Thế giới đang trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, xu thế chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và kinh doanh ngày càng mạnh mẽ; Ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; thương mại điện tử và kinh doanh số có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Việc ứng dụng, chuyển đổi số là cơ hội, điều kiện để các doanh nghiệp trong tỉnh áp dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật số tiên tiến nhất trong điều hành, quản lý doanh nghiệp.

- Thái Nguyên có cơ hội thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất chất bán dẫn tạo cơ hội tăng trưởng và phát triển bền vững. Sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài cũng tạo ra cơ hội hợp tác, chuyển giao công nghệ, tham gia chuỗi liên kết và mở rộng thị trường từ đó nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm cho cộng đồng doanh nghiệp địa phương.

- Hội nhập kinh tế quốc tế: Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), tạo cơ hội cho các doanh nghiệp ở Thái Nguyên tiếp cận các thị trường quốc tế lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, các quốc gia ASEAN,... Mặt khác, Việt Nam đang được hưởng các chính sách và hỗ trợ từ các tổ chức

quốc tế, đối tác phát triển như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), và các tổ chức phi chính phủ có thể cung cấp hỗ trợ tài chính, tư vấn kỹ thuật và các dự án phát triển cho doanh nghiệp ở Thái Nguyên.

3. Khó khăn, thách thức

- Quy mô doanh nghiệp nhỏ, thiếu tính liên kết: Phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ; thiếu sự liên kết và hợp tác giữa các doanh nghiệp khiến cho khả năng tận dụng lợi thế cạnh tranh giảm đi. Tỷ trọng đóng góp thu ngân sách, lao động,... chủ yếu là của các doanh nghiệp FDI, trong khi đóng góp của các doanh nghiệp trong nước (*nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa*) còn hạn chế, chủ yếu là các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, khai thác khoáng sản với tính bền vững không cao.

- Các doanh nghiệp của tỉnh tham gia rất hạn chế vào chuỗi công nghiệp phụ trợ dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, phân phối sản phẩm cũng như liên kết chuỗi doanh nghiệp.

- Năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế: Nhiều doanh nghiệp tại Thái Nguyên, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển (R&D), áp dụng công nghệ cao hoặc đổi mới sáng tạo trong sản xuất. Điều này làm hạn chế khả năng cạnh tranh, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi sang các ngành công nghệ cao và sáng tạo. Các xu hướng công nghệ mới như tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), và Internet vạn vật (IoT) tạo ra các cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Thái Nguyên. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nhưng cũng đòi hỏi chi phí đầu tư lớn và khả năng chuyển đổi mô hình kinh doanh.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều: Dù có nhiều trường đào tạo, nhưng chất lượng lao động trong một số lĩnh vực vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của các ngành công nghiệp hiện đại, đặc biệt là công tác quản lý, kỹ thuật cao, công nghiệp bán dẫn.

- Biến đổi khí hậu và các vấn đề về môi trường, phát triển bền vững: Các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu đang trở thành những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Các quy định về bảo vệ môi trường ngày càng chặt chẽ, yêu cầu doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ sạch và phát triển bền vững, nhưng chi phí đầu tư ban đầu là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp.

Những năm qua, với sự đồng hành từ các chính sách hỗ trợ và đầu tư cơ sở hạ tầng của tỉnh, cộng đồng doanh nghiệp tại Thái Nguyên đã ghi nhận nhiều bước tiến vững chắc. Dù vậy, khu vực kinh tế tư nhân vẫn đang đứng trước những thách thức, hạn chế và tồn tại cần được khắc phục để tiếp tục phát huy tiềm lực và phát triển mạnh mẽ, bền vững hơn trong giai đoạn tới.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện đầy đủ, đồng bộ, nhất quán các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Nâng cao vai trò và đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân đối với tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện; cải thiện môi trường đầu tư; đưa kinh tế tư nhân trở thành động lực chính trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Phân đầu đến năm 2030 có 36.000 doanh nghiệp trở lên hoạt động trên địa bàn tỉnh, 20 doanh nghiệp hoạt động/người dân (*tăng khoảng 20%/năm*).

- Xây dựng chính sách thu hút, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn, các doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh.

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân của tỉnh đến năm 2030 đạt từ 10,5% trở lên; đóng góp khoảng 50 - 55% GRDP, chiếm khoảng 18 - 20% tổng thu ngân sách nhà nước (*đã loại trừ thu tiền sử dụng đất*).

- Phân đầu giải quyết việc làm cho khoảng 76 - 77% tổng số lao động toàn tỉnh; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 8,5 - 9,5%/năm trở lên.

- Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đạt mức tiên tiến của Việt Nam; góp phần đưa tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm dẫn đầu các tỉnh/thành phố về chỉ số Chuyển đổi số.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045: Kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh, mạnh, bền vững, chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng

- Nhất quán nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân. Xây dựng kế hoạch triển khai, kế hoạch hành động với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể.

- Tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 198/2025/QH15, Nghị quyết số 138/NQ-CP, Nghị quyết số 139/NQ-CP, Kế hoạch hành động số 08-KH/TU và vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng.

- Chú trọng công tác phát triển đảng viên, gắn với việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện có trong các doanh nghiệp để đảng viên trong các doanh nghiệp phát huy vai trò nòng cốt, tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, góp phần xây dựng doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững.

2. Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị, mở rộng quy mô hoạt động và tạo điều kiện thuận lợi để chuyển đổi, phát triển thành doanh nghiệp bền vững.

- Tập trung vào việc nâng cao năng lực quản trị cho chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh. Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, kế toán, tài chính, bán hàng và quản lý rủi ro; triển khai các chương trình tư vấn trực tiếp về kế hoạch kinh doanh. Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh áp dụng công nghệ số, cải thiện quy trình vận hành, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả quản lý nội bộ.

- Hỗ trợ tiếp cận, sử dụng các sản phẩm tài chính; xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp; cơ chế vay vốn linh hoạt với lãi suất hợp lý để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh mở rộng quy mô, khôi phục lại hoạt động các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động.

- Xây dựng chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ với nhau, cũng như với các doanh nghiệp lớn, tạo mạng lưới chuỗi cung ứng hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, hỗ trợ tiếp cận thị trường trong nước và xuất khẩu thông qua các hội chợ, triển lãm, các sàn giao dịch thương mại điện tử và các chương trình xúc tiến thương mại.

- Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các giải pháp về chính sách tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp mới như: Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp (công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp); có chính sách thuế ưu đãi trong giai đoạn đầu chuyển đổi; có chính sách cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn pháp lý, kế toán, thuế,...

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để bảo đảm quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh công bằng và thực thi hợp đồng, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực kinh tế tư nhân

3.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Nghiên cứu xây dựng “luồng xanh” đối với các dự án trọng điểm, có tính động lực, lan tỏa để rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính, đưa dự án nhanh chóng đi vào hoạt động nhằm thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và đổi mới sáng tạo được triển khai đồng bộ và hiệu quả, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh.

- Duy trì chỉ số sự hài lòng của người dân (SIPAS), chỉ số cải cách hành chính nằm trong Top 5 cả nước. Ứng dụng triệt để chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính. Triển khai cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng bằng các hình thức khen như: Bằng khen, các danh hiệu, giải thưởng,... để tôn vinh, biểu dương các doanh nhân, doanh nghiệp điển hình, tiên tiến, kinh doanh hiệu quả, bền vững, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, tham gia tích cực các hoạt động vì cộng đồng. Huy động đội ngũ doanh nhân xuất sắc, có tâm, có tầm tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tham mưu quy trình khen thưởng bảo đảm đúng quy định pháp luật, đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục trình khen thưởng.

3.2. Bảo đảm quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, cạnh tranh bình đẳng và thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân

- Xây dựng hoặc đề xuất các cơ chế đặc thù để xử lý, giải quyết các dự án, hợp đồng tồn đọng kéo dài nhiều năm, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực xã hội, cản trở quá trình phát triển của các doanh nghiệp tư nhân, song song với việc xác định vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Chủ động xây dựng, công bố tại trang, cổng thông tin điện tử các công cụ, giải pháp cảnh báo sớm cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh về các nguy cơ vi phạm pháp luật trên cơ sở tích hợp dữ liệu quản lý, cảnh báo từ các cơ quan quản lý nhà nước.

- Quyết liệt đấu tranh chống hàng giả, hàng nhái, hàng lậu, vi phạm bản quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đúng pháp luật. Tăng cường hiệu quả phòng chống tội phạm công nghệ cao, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, bảo vệ an toàn giao dịch điện tử. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc xác minh, phòng ngừa rủi ro an ninh.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đảm bảo nguyên tắc hoạt động theo Điều 4 Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội.

- Trên cơ sở hướng dẫn của cơ quan Trung ương, chỉ đạo kiện toàn đơn vị phụ trách công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo hướng hình thành Trung tâm hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý, giải quyết tranh chấp pháp lý trong nước và ngoài nước.

4. Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao

Tổ chức triển khai một cách đồng bộ, nghiêm túc và có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tư nhân đặc thù, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung mà Quốc hội đã quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15, ngày 17/5/2025.

4.1. Tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân

- Thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu sắp xếp không gian phát triển mới, tối ưu hoá nguồn lực của tỉnh sau sáp nhập và sắp xếp đơn vị hành chính để đạt được mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn 2026-2030, trong đó chú trọng quy hoạch, tổ chức không gian phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sáng tạo, logistics.

- Phát huy lợi thế về không gian, bản sắc văn hóa, tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng du lịch văn hóa, lịch sử khu vực phía bắc, thu hút đầu tư lĩnh vực văn hóa, du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, gắn với việc triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, duy trì chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh nằm trong Top 10 cả nước.

- Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh. Triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách phù hợp kiểm soát biến động giá đất, đặc biệt là giá đất sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp, hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư, sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh theo hướng “đúng, đủ, sạch, sống” bảo đảm kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu có liên quan. Thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai; công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin tới doanh nghiệp; giảm thiểu thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hỗ trợ tích cực trong giải phóng mặt bằng.

- Tập trung phát triển khu, cụm công nghiệp và hạ tầng số bằng cách quy hoạch và đầu tư vào hạ tầng, giải quyết các vướng mắc về mặt bằng, và tập trung vào việc thu hút đầu tư.

- Rà soát và xử lý quỹ đất công, tài sản công chưa sử dụng hoặc sử dụng hiệu quả thấp (*nhà xưởng bỏ trống, kho bãi, nhà làm việc không sử dụng, đất trống,...*) và xác định rõ các thông tin liên quan như vị trí, diện tích, hiện trạng hạ tầng (*đường, điện, nước, thoát nước*), thời hạn sử dụng đất (*nếu có*), điều kiện pháp lý (*quyền sử dụng, cho thuê/mua*), hiện trạng quản lý,... để chuyển giao cho doanh nghiệp tư nhân thuê/mua phục vụ sản xuất - kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ.

- Rà soát các dự án vướng thủ tục, chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý để khẩn trương đưa vào khai thác nguồn lực đất đai bị lãng phí, đất công, trụ sở cơ quan không sử dụng, đất trong các vụ việc tranh chấp, vụ án kéo dài.

- Dành tối thiểu 20 ha/khu, cụm công nghiệp hoặc 5% tổng quỹ đất đã đầu tư kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê.

- Triệt để ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp.

- Công khai thông tin về quỹ đất, mặt bằng cho thuê, giá thuê, điều kiện kinh doanh, quy trình thủ tục trên các trang, cổng thông tin tỉnh và các kênh hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tăng khả năng tiếp cận cho doanh nghiệp tư nhân với nguồn thông tin đảm bảo rõ ràng, minh bạch. Đồng thời việc thông tin được đăng tải số hóa trên các trang, cổng thông tin điện tử, ứng dụng hoặc kênh hỗ trợ sẽ khuyến khích doanh nghiệp tương tác trực tuyến, từ đó tạo tiền đề cho việc số hóa toàn bộ hoạt động thuê/mua mặt bằng, giao dịch, đăng ký thủ tục.

4.2. Đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho kinh tế tư nhân

- Triển khai có hiệu quả hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; tham gia các buổi đối thoại để nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quan hệ vay vốn giữa ngân hàng - doanh nghiệp trên địa bàn.

- Chủ động thông tin về chương trình, chính sách tín dụng ngân hàng, các giải pháp của ngành ngân hàng; chủ động xử lý những khó khăn vướng mắc phát sinh, đề xuất báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền kịp thời.

- Các ngân hàng thương mại: (i) Ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng; (ii) khuyến khích các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho doanh nghiệp tư nhân vay để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị; (iii) cải tiến quy định nội bộ, khuyến khích cho vay dựa trên phương án sản xuất kinh doanh, phương án mở rộng thị trường đầu ra; cho vay theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng; cho vay dựa trên dữ liệu thanh toán, dòng tiền; cho vay dựa trên các tài sản bảo đảm bao gồm: Động sản, tài sản vô hình, tài sản hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình hỗ trợ của ngành cho đối tượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong đó tập trung vào các hoạt động nâng cao năng lực quản trị, xây dựng hệ thống tài chính minh bạch, chuẩn mực, chuẩn hóa chế độ kế toán, kiểm toán..., để tăng khả năng tiếp cận các nguồn lực tài chính.

4.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân

- Chú trọng triển khai mô hình "liên kết ba nhà" (*nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp*). Tập trung các nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đào tạo, đào tạo nghề hợp tác, phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài; tiếp nhận và nhân rộng các chương trình đào tạo tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế tư nhân.

- Thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào khởi nghiệp, đặc biệt hướng tới nhóm đối tượng người trẻ và sinh viên; tạo điều kiện tiếp cận và sử dụng hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ khởi nghiệp. Đồng thời, xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, các chương trình bồi dưỡng kỹ năng khởi nghiệp phù hợp với nhu cầu thực tiễn; các cuộc thi, diễn đàn, hội thảo về khởi nghiệp,...; nghiên cứu hình thành quỹ hỗ trợ khởi nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm và huy động các nguồn lực xã hội hóa để tạo hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp bền vững, giúp đối tượng người trẻ, sinh viên chủ động sáng tạo, phát triển, qua đó khai thác tối đa tiềm năng của nhóm nhân lực trẻ trên địa bàn.

- Xây dựng dữ liệu về nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp tư nhân tại địa phương theo ngành, theo vùng, theo mức kỹ năng, theo xu hướng phát triển... từ đó giúp các trường nghề/trường đại học xây dựng, định hướng, điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp, bảo đảm sát thực tiễn yêu cầu, tránh đào tạo ồ ạt

những nhân lực mà doanh nghiệp không cần, tránh lãng phí nguồn lực đào tạo, tăng tỷ lệ lao động có kỹ năng được sử dụng ngay vào doanh nghiệp tư nhân; đồng thời tăng khả năng dự báo và ứng phó với biến động nhân lực bằng cách điều chỉnh chính sách đào tạo, hỗ trợ chuyển nghề, hoặc thu hút đầu tư nhân lực từ vùng/ngành dư thừa sang vùng/ngành thiết hụt.

- Phối hợp với Bộ Tài chính tham gia xây dựng, triển khai Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành cho kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị.

5. Thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân

- Triển khai có hiệu quả Đề án Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

- Hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân thực hiện chuyển đổi xanh: giảm lãng phí, tái sử dụng vật liệu, nâng cấp thiết bị tiết kiệm năng lượng, áp dụng tiêu chuẩn ESG,... để phù hợp với kỳ vọng quốc tế (*đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và xuất khẩu liên quan đến carbon,...*), thoát khỏi nguy cơ bị loại ra khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu, tiếp cận và thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như hưởng lợi trực tiếp từ tài chính xanh bền vững.

- Nghiên cứu xây dựng mô hình thí điểm “doanh nghiệp chuyển đổi số - xanh” tại tỉnh: Lựa chọn một số doanh nghiệp tư nhân tiêu biểu ở một số ngành trọng điểm hoặc có khả năng chuyển đổi nhanh (*Chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp hỗ trợ, logistics,...*) tại các vùng khác nhau của tỉnh (*đô thị, nông thôn*) để bảo đảm tính đại diện; thực hiện thí điểm trong đó xác định rõ mục tiêu chuyển đổi, hỗ trợ được cung cấp (*về công nghệ, đào tạo, miễn giảm thuế hoặc thuê đất/mặt bằng,...*) và cơ chế đo lường kết quả, từ đó nhân rộng kết quả của các mô hình thành công hoặc giảm rủi ro trước khi triển khai rộng của các mô hình chưa hiệu quả; đồng thời hỗ trợ truyền thông để tăng cường sức lan tỏa.

- Tổ chức diễn đàn, hội thảo định kỳ về đổi mới - công nghệ - chuyển đổi số/ xanh dành cho doanh nghiệp tư nhân; cập nhật các xu hướng công nghệ mới, kết nối nhà nước - doanh nghiệp - chuyên gia.

- Nghiên cứu, rà soát, phối hợp đề xuất xây dựng các chính sách đặc thù theo hướng: (i) miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; (ii) miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân cho các chuyên gia, nhà khoa học làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo doanh nghiệp, khuyến khích hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startup). Đẩy mạnh liên kết giữa nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp nhằm thương mại hóa kết quả nghiên cứu, giải quyết bài toán thực tiễn trong sản xuất, môi trường và phát triển sản xuất. Tăng cường năng lực hấp thụ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp tư nhân thông qua các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và tư vấn.

- Nghiên cứu hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân siêu nhỏ, nhỏ và vừa tiếp cận “công nghệ sẵn có” thông qua các nền tảng dùng chung do Nhà nước hỗ trợ, dịch vụ chuyển giao công nghệ, thuê công nghệ để giảm chi phí quay vòng và tăng tốc chuyển đổi số; kết nối doanh nghiệp với các chuyên gia và đơn vị cung cấp giải pháp chuyển đổi số; phối hợp đào tạo, hỗ trợ kinh phí.

6. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI

- Nghiên cứu, xây dựng các chuỗi liên kết doanh nghiệp theo cụm ngành, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng phù hợp với định hướng, lĩnh vực thu hút đầu tư của tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn dẫn dắt chuỗi cung ứng nội địa, kết nối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ phát triển các cụm liên kết ngành, nhất là công nghiệp hỗ trợ, chế biến chế tạo, chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ thông tin, công nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ thực hiện các chính sách ưu đãi của nhà nước đối với các doanh nghiệp lớn chuyển giao công nghệ, hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật, kiến thức và đào tạo nguồn nhân lực, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn, nền tảng như công nghiệp công nghệ cao, năng lượng xanh phát triển bền vững, phát triển hạ tầng giao thông, thương mại - dịch vụ...; tích cực đàm phán với chủ đầu tư các dự án FDI lớn để có kế hoạch sử dụng chuỗi cung ứng nội địa ngay từ giai đoạn phê duyệt dự án. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi giá trị tích cực tham gia vào các chương trình cấp tín dụng theo chuỗi cung ứng theo lĩnh vực, địa bàn quản lý.

- Khi thu hút FDI hoặc thực hiện dự án đầu tư lớn nhà nước, nghiên cứu xây dựng các tiêu chí về cam kết sử dụng một tỷ lệ nhất định (%) sản phẩm/dịch vụ từ doanh nghiệp địa phương hoặc đào tạo/nhượng công nghệ cho doanh nghiệp địa phương; các cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp FDI hoặc nhà nước nếu hợp tác với doanh nghiệp tư nhân địa phương: giảm thuế, hỗ trợ đất đai, hỗ trợ đào tạo...

- Định kỳ tổ chức các hội nghị kết nối chuỗi cung ứng trên địa bàn tỉnh với sự tham gia của tư nhân - nhà nước - doanh nghiệp FDI để gặp gỡ, ký kết hợp tác, chuyển giao công nghệ, đào tạo.

7. Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu

- Xác định và ưu tiên phát triển một số doanh nghiệp tư nhân có tiềm lực tài chính, quản trị tốt, sản phẩm/dịch vụ có khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường, để trở thành đầu tàu dẫn dắt; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ có tiềm năng phát triển thành doanh nghiệp lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân bằng cách nâng cấp, mở rộng, liên kết, hợp tác với đối tác quốc tế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Phối hợp với Bộ Tài chính tham gia xây dựng, triển khai Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ.

- Phối hợp với Bộ Công Thương tham gia xây dựng, triển khai Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global) trên cơ sở rà soát, lồng ghép các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hiện hành hoặc dự kiến ban hành của ngành, tập trung các giải pháp hỗ trợ về thị trường, thương hiệu, kênh phân phối, logistics, bảo hiểm, tư vấn, pháp lý, giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, mua bán sáp nhập, kết nối với các tập đoàn đa quốc gia...

- Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân kết nối với thị trường quốc tế: xúc tiến thương mại, các hội chợ quốc tế, thương hiệu quốc tế, liên doanh, liên kết với tập đoàn nước ngoài - giúp doanh nghiệp vượt ra khỏi biên giới tỉnh, quốc gia,...

- Tiếp tục quy hoạch, đầu tư mở rộng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao Yên Bình; xây dựng, phát triển các khu công nghiệp xanh, công nghiệp tuần hoàn; hoàn thiện hệ thống logistics, hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối tạo điều kiện để các nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

8. Khuyến khích đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh, thúc đẩy tinh thần doanh nhân và tạo điều kiện để doanh nhân tham gia vào quản trị đất nước

- Tập trung xây dựng đội ngũ doanh nhân của tỉnh có đạo đức, văn hoá kinh doanh, trung thực, thanh liêm, trách nhiệm xã hội, gắn với bản sắc dân tộc, tiếp cận tinh hoa văn hoá kinh doanh thế giới. Lấy đạo đức, văn hoá kinh doanh làm cốt lõi, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật.

- Bổ sung các nội dung đào tạo về khởi sự, khởi nghiệp kinh doanh nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong học sinh, sinh viên. Huy động, khuyến khích các doanh nhân thành đạt tham gia các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, truyền cảm hứng, đào tạo các thế hệ doanh nhân trẻ để nuôi dưỡng và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, nhân rộng các mô hình, tấm gương điển hình trong sản xuất - kinh doanh.

- Tổ chức các sự kiện, tuần lễ doanh nghiệp nhằm tôn vinh, động viên và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp kinh doanh, tinh thần doanh nhân tới cộng đồng; kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền những doanh nhân, doanh nghiệp vi phạm đạo đức, văn hóa kinh doanh làm ảnh hưởng tới hình ảnh của doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam.

- Khẩn trương củng cố, nâng cao vai trò, chức năng nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp, doanh nhân; nâng cao chất lượng công tác tham gia xây dựng, phản biện và giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách; nâng cao năng lực, tham gia triển khai thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ kinh tế tư nhân.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đề án thực hiện trong 05 năm (từ năm 2026 đến năm 2030). Sơ kết thực hiện Đề án vào năm 2028, tổng kết thực hiện Đề án vào năm 2030.

II. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện dự kiến: 428.287 tỷ đồng, Trong đó:

- Nguồn vốn chi thường xuyên: 482 tỷ đồng.
- Nguồn vốn đầu tư công: 23.477 tỷ đồng.
- Nguồn vốn ngoài ngân sách: 404.328 tỷ đồng.

Kinh phí triển khai thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn hợp pháp khác

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thống nhất việc triển khai Đề án trên phạm vi toàn tỉnh; ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án; định kỳ giám sát, xem xét, cho ý kiến chỉ đạo đối với những nội dung, vấn đề quan trọng, phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án bảo đảm chất lượng, hiệu quả, thống nhất trong hành động, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp.

3. Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Đề án đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp, hiệu quả, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc triển khai thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ hằng quý báo cáo gửi Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

4. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu ban hành kế hoạch hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Đề án trước ngày 20/12 của năm liền trước; chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Đề án với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện; chỉ đạo các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời tham mưu điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện Đề án có hiệu quả; định kỳ hằng quý báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh.

5. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển kinh tế tư nhân, thực sự là động lực quan trọng của nền kinh tế.

6. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tổ chức tuyên truyền sâu rộng, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vận động nhân dân, doanh nghiệp tư nhân tham gia triển khai các nhiệm vụ của đề án; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân.

7. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể trong Đề án khi cần thiết để phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Thái Nguyên.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (*báo cáo*),
- Các Ban xây dựng Đảng TW (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Đảng ủy Bộ Tài chính,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các Đảng bộ trực thuộc,
- Đảng ủy HĐND tỉnh, Đảng ủy MTTQ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NNMinh/P.TH/200

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Trịnh Xuân Trường